TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **89/**2019/HNGĐ – ST
Ngày: 26-11-2019
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Đăng Bảy;
2/ Ông Nguyễn Quang Liêu;
- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 283/2019/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019, về việc "Ly hôn".Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐST – HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị X, sinh năm: 1975
Nơi cư trú: Thôn 1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Q, sinh năm: 1973
Nơi cư trú: Thôn 1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn Q tự nguyện tìm hiểu, tiến hành đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 07/Q2, ký ngày 07 tháng 02 năm 1995. Khi chung sống đến năm 2006 thì chị phát hiện anh Trần Văn Q có quan hệ ngoại tình. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ và chấp nhận tha thứ để có gia đình đầy đủ. Tuy nhiên, anh Trần Văn Q vẫn không thay đổi, bỏ bê vợ con, không quan tâm chăm sóc cho gia đình. Đến năm 2018 chị và anh Trần Văn Q đã sống ly thân cho đến nay. Hiện nay, tình

cảm của chị đối với anh Trần Văn Q không còn, mâu thuẫn của vợ chồng trầm trọng nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn Q.

Về nuôi con chung: Chị và anh Trần Văn Q có 02 con chung tên là Trần Văn H sinh năm 1995 và Trần Hải Y sinh năm 2003. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hải Y. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Đối với Trần Văn H đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự nên chị không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung: Chị và anh Trần Văn Q tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng TMCP N – chi nhánh Bình Phước số tiền 700.000.000đ. Hiện nay chị và anh Trần Văn Q đã trả số tiền nay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với lời khai về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn của chị Đỗ Thị X. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc nhưng khoảng 3 đến 4 năm gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh và chị không hợp nhau không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cải vã, xô xát nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian này anh và chị Đỗ Thị X không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Anh vẫn có nguyện vọng đoàn tụ nhưng chị Đỗ Thị X kiên quyết ly hôn nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh nhất trí với lời khai của chị Đỗ Thị X về con chung. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng để cháu Trần Hải Y tự quyết định người nào trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Đối với Trần Văn H đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự nên anh không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung: Anh và chị Đỗ Thị X đã tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng TMCP N – chi nhánh Bình Phước số tiền 700.000.000đ. Số nợ này vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị X

Về nuôi con chung: Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Trần Hải Y sinh năm 2003 cho chị Đỗ Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Trần Văn Q (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn Q.

[1.2] Tư cách tham gia tố tụng: Anh Trần Văn Q và chị Đỗ Thị X khai nhận có vay vốn tại Ngân hàng TMCP N – chi nhánh Bình Phước với số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng). Chị Đỗ Thị X khai nhận anh chị đã trả số tiền vay cho Ngân hàng TMCP N. Ngân hàng TMCP N – chi nhánh Bình Phước xác nhận anh Trần Văn Q chị Đỗ Thị X đã thanh lý toàn bộ khoản vay tại Ngân hàng. Do đó, căn cứ vào khoản 6 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử xác định Ngân hàng TMCP N – chi nhánh Bình Phước không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử không đưa Ngân hàng TMCP N – chi nhánh Bình Phước tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Q và chị Đỗ Thị X đều khai nhận anh chị có đăng ký kết hôn và và đã được Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 07/Q2, ký ngày 07 tháng 02 năm 1995. Lời khai của anh Trần Văn Q và chị Đỗ Thị X phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 02). Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch"*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Văn Q và chị Đỗ Thị X là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn Q và chị Đỗ Thị X đều khai nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn các bên khai nhận khác nhau. Tuy nhiên hai bên đều thống nhất từ năm 2017, năm 2018 cho đến nay anh Trần Văn Q chị Đỗ Thị X sống ly thân, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và các bên đều có yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của anh chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn chị Đỗ Thị X.

[4] Về nuôi con chung: Anh Trần Văn Q và chị Đỗ Thị X đều khai nhận anh chị có 02 con chung tên là Trần Văn H sinh năm 1995 và Trần Hải Y sinh năm 2003. Chị Đỗ Thị X có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hải Y. Anh Trần Văn Q tôn trọng ý kiến của cháu Trần Hải Y. Xét, cháu Trần Hải Y có nguyện vọng được mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (bút lục 24). Trong thời gian ly thân

chị Đỗ Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Hải Y phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần. Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Trần Hải Y theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn Q và chị Đỗ Thị X về việc nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi cháu Trần Hải Y: Anh Trần Văn Q và chị Đỗ Thị X không yêu cầu giải quyết về việc cấp duỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Trần Văn H: Xét, Trần Văn H đã thành niên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không ai yêu cầu giải quyết về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với Trần Văn H.

[5] Về chia tài sản chung: Anh Trần Văn Q và chị Đỗ Thị X xác nhận anh chị tự thỏa thuận về chia tài sản chung, không yêu cầu giải quyết về việc chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: anh Trần Văn Q và chị Đỗ Thị X khai nhận anh chị có vay vốn tại Ngân hàng TMCP N – chi nhánh Bình Phước số tiền 700.000.000đ. Đến năm 2019 anh chị đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nay nên không yêu cầu giải quyết về nợ chung. Lời khai của anh chị phù hợp với lời khai của Ngân hàng (bút lục số 51). Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung.

[7] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định *"Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn"*. Do đó, nguyên đơn chị Đỗ Thị X phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theoquy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị X. Chị Đỗ Thị X được ly hôn với anh Trần Văn Q.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Hải Y sinh ngày 01 tháng 5 năm 2003 cho chị Đỗ Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn Q và chị Đỗ Thị X không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với Trần Văn H sinh ngày 22 tháng 10 năm 1995 đã thành niên có đủ năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

3. Về chia tài sản chung: Anh Trần Văn Q và chị Đỗ Thị X tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết về việc chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Đỗ Thị X phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0009539 ký ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước *(đã nộp xong)*.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/11/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh